

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CƯ KUIN  
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2024/DS-ST  
Ngày 26 - 8 - 2024  
V/v tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tạ Thị Ngọc Diệp.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Hoàng Năng Long;
- Bà Phan Thị Thiệu;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Thanh Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa:** Bà Hà Thanh Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 41/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

\* **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Minh H; Địa chỉ: Số nhà I, thôn K, xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

\* **Bị đơn:** Bà Phạm Thị P và ông Tô Trọng Đ; Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Minh H trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Minh H và ông Tô Trọng Đ, bà Phạm Thị P không có mối quan hệ họ hàng, chỉ là người gần nhà, quen biết nhau.

Vào ngày 17/01/2023 vợ chồng ông Tô Trọng Đ, bà Phạm Thị P có vay của bà H số tiền 115.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, mục đích vay để đáo hạn

Ngân hàng, thời hạn trả nợ đến ngày 17/3/2023 sẽ hoàn trả cho bà H. Các bên có lập giấy vay tiền ngày 17/01/2023 được in sẵn do bà P điền vào. Bà H không đồng ý với lời trình bày của bị đơn về việc cho rằng số tiền 115.000.000 đồng bà đang khởi kiện gồm số tiền 59.000.000 đồng tiền gốc đã vay từ năm 2021 và đến năm 2023 thì cộng dồn tiền gốc và lãi suất thành 115.000.000 đồng.

Quá thời hạn trả nợ nêu trên nhưng ông Đ và bà P vẫn không chịu trả nợ cho bà H, mặc dù bà H đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở và cho đến nay ông Đ và bà P vẫn chưa trả tiền gốc và lãi nào cho bà H. Vì vậy, bà H khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông Tô Trọng Đ, bà Phạm Thị P phải trả số tiền gốc là 115.000.000 đồng và tiền lãi là 28.120.000 đồng cho đến khi kết thúc vụ án.

Ngày 19/8/2024, bà Nguyễn Thị Minh H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu tính lãi suất của số tiền 115.000.000 đồng từ khi vay đến khi xét xử mà chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Tô Trọng Đ, bà Phạm Thị P phải trả số tiền gốc là 115.000.000 đồng.

*Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Tô Trọng Đ trình bày:*

Ông Tô Trọng Đ thừa nhận năm 2023 ông Đ, bà P có vay của bà H số tiền 115.000.000 đồng, tuy nhiên số tiền này gồm số tiền 59.000.000 đồng tiền gốc đã vay từ năm 2021 và đến năm 2023 thì cộng dồn tiền gốc và lãi suất thành 115.000.000 đồng, thời hạn trả nợ thì ông Đ không nhớ rõ, lãi suất thỏa thuận 1.000 đồng/3.000 đồng/ngày và trả lãi theo tháng. Nay bà H yêu cầu ông Đ trả nợ thì ông Đ có ý kiến gia đình đang gặp nhiều khó khăn nên xin bà H cho ông Đ trả nợ dần.

Ngoài bản tự khai của ông Đ, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và nhiều văn bản tố tụng khác để thông báo cho bị đơn ông Tô Trọng Đ và bà Phạm Thị P tham gia tố tụng bảo vệ quyền lợi cho mình nhưng bị đơn đều vắng mặt tại các buổi làm việc ở Tòa án cũng như tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án không lấy được lời khai cũng như không thu thập được tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án của bị đơn.

Ngày 27/5/2024, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin đã ban hành Quyết định số 14/2024/QĐ-TCGD về việc trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông Tô Trọng Đ và bà Phạm Thị P trong “Giấy vay tiền đề ngày 17/01/2023” và theo Kết luận giám định số 771/KL-KTHS ngày 25/6/2024 của Phòng K - Công an tỉnh Đ kết luận:

*“1. Chữ ký mang tên Tô Trọng Đ dưới mục “Chồng” trên tài liệu cần giám định kí hiệu A1 khác dạng so với chữ ký mang tên Tô Trọng Đ trên các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu từ M1 đến M5 nên không tiến hành giám định.*

*2. Chữ viết mang tên Tô Trọng Đ dưới mục “Chồng” trên tài liệu cần giám định kí hiệu A1 so với chữ ký mang tên Tô Trọng Đ trên các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu từ M1 đến M5 do cùng một người viết ra.*

*3. Chữ ký, chữ viết mang tên Phạm Thị P dưới mục “Vợ” trên tài liệu cần*

*giám định kí hiệu A1 so với chữ ký, chữ viết mang tên Phạm Thị P trên các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu từ M1 đến M4 và M6 là do cùng một người viết ra”.*

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên toà: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 463, 465, 466, 467 Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Tô Trọng Đ, bà Phạm Thị P phải trả số tiền gốc là 115.000.000 đồng, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu tính lãi suất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng và thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 115.000.000 đồng và tiền lãi, nên đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại thôn K, xã H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn ông Tô Trọng Đ, bà Phạm Thị P mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý, giải quyết xét xử vắng mặt các đương sự là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung, HĐXX nhận định: Căn cứ vào giấy vay tiền đề ngày 17/01/2023 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, HĐXX xét thấy: Ngày 17/01/2023 vợ chồng ông Tô Trọng Đ, bà Phạm Thị P có ký vay và nhận tiền của bà Nguyễn Thị Minh H với số tiền là 115.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, mục đích vay để đáo hạn Ngân hàng, thời hạn trả nợ đến ngày 17/3/2023.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Tô Trọng Đ thừa nhận năm 2023 ông Đ, bà P có ký vay của bà H số tiền 115.000.000 đồng, tuy nhiên số tiền này gồm 59.000.000 đồng tiền gốc đã vay từ năm 2021 và đến năm 2023 thì cộng dồn tiền gốc và lãi suất thành 115.000.000 đồng. Nay bà H khởi kiện thì ông xin được trả dần. Quá trình làm việc mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để lấy lời khai của bà P, hòa giải, đối chất về số tiền đã nhận và đã trả nhưng ông Đ, bà P đều vắng mặt không có lý do, không xuất trình được chứng cứ để chứng minh lời trình bày của mình và cũng không được nguyên đơn thừa nhận nên không có cơ sở để xem xét.

Xét quan hệ pháp luật dân sự giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 463 Bộ luật dân sự, vì vậy quyền và nghĩa vụ của các bên được pháp luật bảo vệ. Tại giấy

vay tiền giữa các bên có xác định thời hạn trả nợ nhưng bị đơn không trả đúng theo thoả thuận đã cam kết là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Do đó, nguyên đơn bà H khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Đ phải trả số nợ đã vay 115.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về lãi suất: Ngày 19/8/2024 nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu tính lãi suất. Xét yêu cầu không tính lãi suất của nguyên đơn là tự nguyện nên cần chấp nhận. Do đó, HĐXX đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu tính lãi suất là có căn cứ.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết và đã chi phí số tiền 4.860.000 đồng tiền chi phí giám định. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào các Điều 157, 161, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự buộc bị đơn ông Tô Trọng Đ, bà Phạm Thị P phải chịu 4.860.000 đồng.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với mức  $115.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 5.750.000 \text{ đồng}$ . Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 157, 161, 165, 235, 238, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 465, 466, 467 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh H.

1. Buộc ông Tô Trọng Đ, bà Phạm Thị P có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Minh H số tiền 115.000.000 đồng (*Một trăm mười lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh H về yêu cầu tính lãi suất của khoản vay.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Tô Trọng Đ, bà Phạm Thị P phải chịu số tiền 4.860.000 đồng (*Bốn triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng*) tiền chi phí giám

định chữ ký, chữ viết. Sau khi thu được từ ông Tô Trọng Đ, bà Phạm Thị P thì trả lại cho bà Nguyễn Thị Minh H số tiền 4.860.000 đồng (*Bốn triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng*).

3. Về án phí: Ông Tô Trọng Đ, bà Phạm Thị P phải chịu 5.750.000 đồng (*Năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh H số tiền 3.578.000 đồng (*Ba triệu, năm trăm bảy mươi tám nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Kuin theo biên lai thu số AA/2023/0006541 ngày 28/3/2024.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Phòng Kiểm tra - TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện Cư Kuin;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tạ Thị Ngọc Diệp**